

Hải Lý, ngày 05 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU CHI TÀI CHÍNH
THEO HƯỚNG DẪN THÔNG TƯ SỐ 36/TT-BGDĐT

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. Khái quát chung

Xã Hải Lý có 13 xóm. Nhân dân trong xã sống chủ yếu bằng nghề biển (khai thác, nuôi trồng thủy hải sản và làm muối), và nông nghiệp, kinh tế, chính trị xã hội ổn định. phía bắc giáp xã Hải Tây, phía Đông bắc tiếp giáp với xã Hải Đông; phía nam giáp xã Hải Chính; phía đông giáp Biển; phía tây giáp Thị Trấn Cồn. Xã ở xa trung tâm của huyện. Dân số hơn 12000 nhân khẩu, trong đó trên 95% người theo đạo Thiên Chúa. Đảng bộ có hơn 400 đảng viên sinh hoạt ở 18 Chi bộ trực thuộc. Trong những năm qua tình kinh tế - xã hội của xã có nhiều chuyển biến tích cực, kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế được chuyển dịch; An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong xã luôn quan tâm đến sự nghiệp phát triển giáo dục.

Kinh tế biển còn gặp nhiều khó khăn, chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, thu nhập kinh tế không ổn định. Từ những ảnh hưởng trên, nên những năm trước đây nhiều gia đình phải cho con bỏ học, rời bỏ quê hương để đi nơi xa làm ăn. Vì vậy công tác huy động học sinh đến trường và thống kê phổ cập còn gặp nhiều khó khăn.

+ Thị trấn Cồn khu vực Hải Lý là nơi có tình hình chính trị ổn định. Đảng bộ liên tục nhiều năm được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

+ Các đoàn thể xã hội của xã đều có phong trào đồng đều, nhiều ngành là đơn vị mạnh của huyện.

+ Nhìn chung nhân dân lao động là người lương thiện, có ý thức chấp hành hiến pháp và pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương.

+ Là xã có phong trào giáo dục đồng đều, các điển hình tiên tiến ở các cấp học, ngành học xuất hiện ngày càng nhiều.

+ Trường THCS Hải Lý nằm trên địa bàn xóm C Thị trấn Cồn có tổng diện tích đất tự nhiên là: 11.080m², có tổng số học sinh năm học 2024-2025 là: 842 học sinh chia ra làm 19 lớp.

+ Trường Trung học cơ sở Hải Lý đạt chuẩn quốc gia và thường xuyên có nhiều biến động về đội ngũ giáo viên. Vì vậy nâng cao chất lượng đại trà và đội tuyển học sinh giỏi gặp vô cùng khó khăn.

Hàng năm đội ngũ giáo viên có nhiều biến động. Số giáo viên được điều động về công tác tại nhà trường hầu hết là giáo viên trẻ mới ra trường còn thiếu kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp, nên còn gặp nhiều khó khăn.

Việc đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cho các trường học chưa đáp ứng với nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

- Do thu nhập của xã thấp nên việc đầu tư cho sự nghiệp giáo dục còn hạn chế, đầu tư vật chất cho con em học tập còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc đóng góp, thu nộp cho xây dựng trường lớp, điều kiện học tập của con em.

- Còn một số bộ phận phụ huynh học sinh trình độ dân trí còn hạn chế, nên họ chưa thực sự đầu tư chu đáo để con em của họ theo học.

II. Công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên biệt

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục

Nhà trường tổ chức tuyển sinh với những học sinh trong độ tuổi. Trong năm học thực hiện đúng, đủ chương trình của Bộ giáo dục và đào tạo. Dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình GDPT. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường. Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường, nội quy về sử dụng phòng học bộ môn. Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9.

Giáo dục cho học sinh có nhận thức đúng đắn về cái đẹp, cái xấu trong xã hội. Từ đó có ý thức thường xuyên phấn đấu tu dưỡng đạo đức và giúp đỡ bạn cùng tiến bộ. 100% học sinh có nếp sống văn minh trong giao tiếp, không có học sinh mắc vào các tệ nạn xã hội, không vi phạm pháp luật. Giáo dục học sinh thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy và thực hiện tốt chủ đề năm học, dự kiến trong năm học 2024 - 2025 tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt khoảng 85%, hạnh kiểm khá khoảng 14,8%; học sinh có học lực giỏi khoảng 20%, học lực khá khoảng 50%.

b. Chất lượng giáo dục thực tế

Kết quả năm học 2023 - 2024:

+ Học lực:

Tổng số (Học sinh Khối 6,7,8)	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
644	156	24,22	303	47,05	185	28,72	02	0,34

Tổng số (Học sinh Khối 9)	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
166	54	32,53	90	54,22	22	13,25	0	0	0	0

+ Hạnh kiểm:

Tổng số (Học sinh Khối 6, 7,8)	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
644	615	95,50	29	4,50	0	0	0	0

Tổng số (Học sinh Khối 9)	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
166	158	95,18	8	4,82	0	0	0	0

Tỉ lệ học sinh lên lớp ở các khối 6,7,8 đạt 99,76%.

Số HS lớp 9 là 166 học sinh. Trong đó giỏi 54 em = 32,53%, loại Khá 90 em = 54,22%, Trung bình 22 em = 13,25%. Số học sinh được xét công nhận tốt nghiệp là 166 HS = 100%. Số học sinh tốt nghiệp THCS tham gia ôn thi vào lớp 10 là 101 em = 60,9% số HS được công nhận Tốt nghiệp.

c. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

Trường THCS Hải Lý đạt chuẩn quốc gia tháng 12 năm 2018; đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn vào tháng 05 năm 2016 và được công nhận lại vào tháng 05 năm 2024. Đến nay các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia được giữ vững.

d. Kiểm định cơ sở giáo dục

Hàng năm, kết thúc năm học trường đều tự đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ II.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a. Cơ sở vật chất

Hiện nay trường có 19 phòng học, 5 phòng học bộ môn, phòng làm việc của Hiệu trưởng, phòng họp Hội đồng sư phạm, 1 phòng Phó Hiệu trưởng, phòng đội, phòng Tổ KHXH, phòng làm việc của tổ KHTN; phòng truyền thống, phòng Kế toán, phòng Công đoàn. Tiếp đến là Phòng nghỉ của giáo viên. Phòng Bảo vệ, phòng Y tế học đường được đặt ở ngay đầu cổng. Phía sau các phòng học là phòng kho, phòng nước sạch, khu tập luyện thể thao, lán để xe của học sinh. Phía đông là khu vực nhà vệ sinh của học sinh.

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên có 39 người. Trong đó có 2 Cán bộ quản lý, 3 nhân viên hành chính, 33 giáo viên đứng lớp và 1 bảo vệ. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có trách nhiệm. Hội đồng sư phạm nhà trường đoàn kết.

- Trình độ đội ngũ giáo viên của trường đạt chuẩn và trên chuẩn.

3. Công khai thu chi tài chính

- Thực hiện công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

- Công khai tình hình hoạt động tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao môi trường.

- Công khai mức thu học phí, các khoản thu khác theo từng năm, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở giáo dục, các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

- Công khai các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Thủ trưởng đơn vị



**HIỆU TRƯỞNG
LÊ THỊ HẰNG**

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2024 - 2025**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 9	Lớp 8	Lớp 7	Lớp 6
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS sinh năm 2010. - Đã học xong chương trình THCS lớp 8 có học lực, hạnh kiểm từ trung bình trở lên hoặc đã được đánh giá, xếp loại sau khi kiểm tra lại. - Có hộ khẩu thường trú tại xã Hải Lý.	- HS sinh năm 2011. - Đã học xong chương trình THCS lớp 7 có học lực, hạnh kiểm từ trung bình trở lên hoặc đã được đánh giá, xếp loại sau khi kiểm tra lại. - Có hộ khẩu thường trú tại xã Hải Lý.	- HS sinh năm 2012. - Đã học xong chương trình THCS lớp 6 có học lực, hạnh kiểm từ trung bình trở lên hoặc đã được đánh giá, xếp loại sau khi kiểm tra lại. - Có hộ khẩu thường trú tại xã Hải Lý.	- HS sinh năm 2013. - Đã học xong chương trình THCS lớp 5 có học lực từ trung bình trở lên. - Có hộ khẩu thường trú tại xã Hải Lý.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông THCS - Bộ GD&ĐT	Chương trình giáo dục phổ thông THCS - Bộ GD&ĐT	Chương trình giáo dục phổ thông THCS - Bộ GD&ĐT	Chương trình giáo dục phổ thông THCS - Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	Trên cơ sở công khai kế hoạch năm học và dự kiến kết quả học sinh đạt được trong năm học 2023-2024. - Gia đình thường xuyên có sự liên hệ chặt chẽ với nhà trường thông qua các cuộc họp CMHS, thông qua GVCN, sổ liên lạc điện tử,... - Học sinh nghiêm túc học tập theo đúng chương trình của bộ GD&ĐT quy định.	Trên cơ sở công khai kế hoạch năm học và dự kiến kết quả học sinh đạt được trong năm học 2023-2024. - Gia đình thường xuyên có sự liên hệ chặt chẽ với nhà trường thông qua các cuộc họp CMHS, thông qua GVCN, sổ liên lạc điện tử,... - Học sinh nghiêm túc học tập theo đúng chương trình của bộ GD&ĐT quy định.	Trên cơ sở công khai kế hoạch năm học và dự kiến kết quả học sinh đạt được trong năm học 2023-2024. - Gia đình thường xuyên có sự liên hệ chặt chẽ với nhà trường thông qua các cuộc họp CMHS, thông qua GVCN, sổ liên lạc điện tử,... - Học sinh nghiêm túc học tập theo đúng chương trình của bộ GD&ĐT quy định.	Trên cơ sở công khai kế hoạch năm học và dự kiến kết quả học sinh đạt được trong năm học 2023-2024. - Gia đình thường xuyên có sự liên hệ chặt chẽ với nhà trường thông qua các cuộc họp CMHS, thông qua GVCN, sổ liên lạc điện tử,... - Học sinh nghiêm túc học tập theo đúng chương trình của bộ GD&ĐT quy định.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập,	- Tổ chức bồi dưỡng học sinh	- Tổ chức bồi dưỡng học sinh	- Tổ chức bồi dưỡng học sinh	- Tổ chức bồi dưỡng học sinh

	sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	giỏi. - Phụ đạo học sinh yếu, kém. - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể theo chủ đề - chủ điểm. - Tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước - Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tìm hiểu khoa học, hoạt động thể dục thể thao. - Đỡ đầu, tặng quà học sinh có hoàn cảnh KK	giỏi - Phụ đạo học sinh yếu, kém. - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể theo chủ đề - chủ điểm. - Tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước - Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tìm hiểu khoa học, hoạt động thể dục thể thao. - Đỡ đầu, tặng quà học sinh có hoàn cảnh KK	giỏi. - Phụ đạo học sinh yếu, kém - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể theo chủ đề - chủ điểm. - Tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước - Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tìm hiểu khoa học, hoạt động thể dục thể thao. - Đỡ đầu, tặng quà học sinh có hoàn cảnh KK	giỏi. - Phụ đạo học sinh yếu, kém - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể theo chủ đề - chủ điểm. - Tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước - Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tìm hiểu khoa học, hoạt động thể dục thể thao. - Đỡ đầu, tặng quà học sinh có hoàn cảnh KK
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh đạt học lực khá, giỏi (kết quả năm học 2023-2024: 86.75% - 100% đạt hạnh kiểm tốt, khá	- Học sinh đạt học lực tốt, khá (kết quả năm học 2023-2024: 66.82% - 100% đạt hạnh kiểm tốt, khá	- Học sinh đạt học lực tốt, khá (kết quả năm học 2023-2024: 72.51% - 100% đạt hạnh kiểm tốt, khá	- Học sinh đạt học lực tốt, khá (kết quả năm học 2023-2024: 71.27% - 100% đạt hạnh kiểm tốt, khá
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- 100% đỗ tốt nghiệp THCS - 87% HS lớp 9 đỗ vào THPT công lập, dân lập và các trường dạy nghề	- 100% được lên lớp 9	- 100% được lên lớp 8	- 100% được lên lớp 7

Hải Lý, ngày 05 tháng 6 năm 2024

Thư trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
LÊ THỊ HẰNG

UBND HUYỆN HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI LÝ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
	Khối 6, 7, 8	644	222	211	211	-
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	90,26%	33,69%	28,44%	28,13%	-
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	9,74%	0,63%	4,17%	4,94%	-
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	-
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	-
	Khối 9	166	-	-	-	166
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	95,18%	-	-	-	95,18%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4,82%	-	-	-	4,82%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0%	-	-	-	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	-	-	-	0%
II	Số học sinh chia theo học lực					
	Khối 6, 7, 8	644	222	211	214	-
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	24,22%	7,15%	9,0%	8,07%	-
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	47,05%	18,48%	14,75%	13,82%	-
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	28,26%	8,85%	8,54%	10,87%	-
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0,34%	0%	0,34%	0%	-
	Khối 9	166	-	-	-	166
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	32,53%	-	-	-	32,53%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54,22%	-	-	-	54,22%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	13,25%	-	-	-	13,25%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	-	-	-	0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	-	-	-	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	810	222	211	214	166

1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh giỏi xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	25,92%	5,68%	7,16%	6,42%	6,66%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	48,51%	14,69%	11,72%	10,99%	11,11%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,24	0%	0,24%	0%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1.2/1.1(%)	0.5/0.3(%)	0.3/0.5(%)	0.2/0.1(%)	0.2/0.2(%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	25	6	11	4	4
2	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	0	2	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	166	0	0	0	166
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	166	0	0	0	166
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	32,53%	0	0	0	32,53%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54,22%	0	0	0	54,22%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	13,25%	0	0	0	13,25%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	423/387	85/81	117/94	111/100	110/112
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Hải Lý, ngày 05 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
LÊ THỊ HẰNG

UBND HUYỆN HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI LÝ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	16	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	16	-2.0m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn		-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43.16	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.080	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	360	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	3.541	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	833	
3	Diện tích thư viện (m ²)	50	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp 8	0	
1.4	Khối lớp 9	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8	1	
2.4	Khối lớp 9	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	3 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	14	
1	Ti vi	9	
2	Cát xét	0	

3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	0	
6	Loa máy(bộ)	1	
7	Âm ly	2	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	14	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	9	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	0	
6	Loa máy(bộ)	1	
7	Âm ly	2	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên		Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
				Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		0	2/2		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hải Lý, ngày 05 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
LÊ THỊ HẰNG

UBND HUYỆN HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI LÝ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	0	0	28	1	1		10	16		5	25	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	26	0	0	25	1	0	0							
1	Toán	4	0	0	4	0	0	0							
2	Lý	1	0	0	1	0	0	0							
3	Hóa	1	0	0	1	0	0	0							
4	Sinh	2	0	0	2	0	0	0							
5	Sử	0	0	0	0	0	0	0							
6	Địa	1	0	0	1	0	0	0							
7	Văn	8	0	0	8	0	0	0							
8	GDCD	0	0	0	0	0	0	0							
9	Ngoại Ngữ	3	0	0	3	0	0	0							
10	Thể dục	2	0	0	2	0	0	0							
11	Mỹ Thuật	1	0	0	1	0	0	0							
12	KTCN	2	0	0	2	0	0	0							
13	Nhạc	1	0	0	0	1	0	0							
II	Cán bộ quản lý	2			2										
1	Hiệu trưởng	1			1										
2	Phó hiệu trưởng	1			1										
III	Nhân viên	2			1		1								
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	...														

Hải Lý, ngày 05 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
LÊ THỊ HẰNG